

TĂNG CƯỜNG QUẢN LÝ KỸ THUẬT, ĐẨY MẠNH ÁP DỤNG TIẾN BỘ KỸ THUẬT, KHÔNG NGỪNG HỢP LÝ HÓA SẢN XUẤT

LÊ KHẮC

CẢI TIẾN VÀ TĂNG CƯỜNG CÔNG TÁC QUẢN LÝ KỸ THUẬT TRONG QUẢN LÝ KINH TẾ

**Vai trò, vị trí của quản lý kỹ thuật
trong quản lý kinh tế.**

Quản lý kỹ thuật là quản lý toàn bộ quá trình sản xuất ra sản phẩm, nhằm bảo đảm những yêu cầu về chất lượng và hiệu quả kinh tế lớn nhất, trên cơ sở những tiến bộ kỹ thuật và những kinh nghiệm thực tiễn của quần chúng đã được tổng kết và nâng cao. Quản lý kỹ thuật là một nội dung không thể tách rời của quản lý kinh tế, nó vừa có tính chất tự giác vừa có tính chất bắt buộc. Bằng phương pháp tổ chức khoa học, nó bảo đảm thực hiện một cách vững chắc và đầy đủ nhất các nhiệm vụ và chỉ tiêu của kế hoạch Nhà nước cả về khối lượng và chất lượng; đồng thời lại cung cấp cho việc lập các kế hoạch Nhà nước những cơ sở khoa học lấy từ trong thực tiễn của các hoạt động sản xuất. Nó giúp cho người lãnh đạo nhanh chóng phát hiện những xu hướng tích cực hay tiêu cực trong quản lý, phân tích được nguyên nhân của những hiện tượng tiêu cực để có ngay những biện pháp xử lý kịp thời. Nói chung, nó giúp cho người lãnh đạo quản lý có những quyết định kinh tế — kỹ thuật chính xác.

Quản lý kỹ thuật là làm chủ kỹ thuật một cách tự giác và có tổ chức; nó tạo những điều kiện thuận lợi để cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất, và áp dụng tiến bộ kỹ thuật vào các ngành sản xuất một cách vững chắc, có tính toán cân nhắc các mặt hiệu quả, đặc biệt là hiệu quả kinh tế.

Trong quá trình từ sản xuất nhỏ tiến lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa ở nước ta, xây dựng một nền nếp quản lý khoa học là một yêu cầu khách quan. Sản xuất đòi hỏi phải có sự phân công, hợp tác giữa nhiều ngành, nhiều cơ sở khác nhau, điều này chỉ có thể thực hiện được với một nền nếp quản lý kỹ thuật chặt chẽ, buộc mọi người không thể tùy tiện mà phải tự giác tuân thủ những qui định chung cần thiết cho mọi sự phân công và hợp tác sản xuất. Quản lý kỹ thuật còn nhằm xây dựng một phong cách lao động có tổ chức, có kỷ luật, có chất lượng và năng suất cao — một phong cách không thể thiếu của một nền sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa.

Tình hình quản lý kỹ thuật ở nước ta hiện nay.

Chúng ta đã bước đầu xây dựng được một nền nếp quản lý kỹ thuật có tác dụng nhất định trong việc duy trì kỷ luật và ổn định sản xuất, hoàn thành được các kế hoạch Nhà nước với những chỉ tiêu khối lượng và chất lượng ngày càng cao, đáp ứng nhu cầu của chiến đấu, sản xuất và đời sống.

Do tình hình cả nước có chiến tranh, đặc biệt là chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ gây ra ở miền Bắc nước ta nên trong một thời gian khá dài, quản lý nói chung và quản lý kỹ thuật nói riêng đã bị buông lỏng, gây ra những hậu quả không tốt: kỷ luật lỏng lẻo, sản xuất không an toàn, tai nạn lao động xảy ra nhiều, kế hoạch không hoàn thành, chất lượng các mặt đều kém, công suất sử dụng thiết bị và phương tiện thấp, tiêu hao vật tư quá mức, năng suất lao động giảm sút nghiêm trọng. Sau khi hòa bình lập lại, Nhà

nước ta đã có nhiều biện pháp khắc phục tình trạng nói trên: ban hành các điều lệ cần thiết để chấn chỉnh và tăng cường quản lý kế cả quản lý kỹ thuật như các điều lệ về kiểm tra chất lượng sản phẩm và hàng hóa, về công tác đo lường và tiêu chuẩn hóa, các qui phạm và tiêu chuẩn Nhà nước, các định mức kinh tế - kỹ thuật, và đã cho tiến hành thi điểm về quản lý chất lượng đối với một số sản phẩm, v.v... Các ngành, các địa phương, các cơ sở cũng chú trọng xây dựng các điều lệ cần thiết cho việc quản lý kỹ thuật của ngành, địa phương hay cơ sở mình, bước đầu thực hiện yêu cầu của Nhà nước là: sản phẩm nào cũng phải có tiêu chuẩn kỹ thuật, và sản xuất nào cũng phải có qui trình công nghệ, v.v..., đặc biệt, chỉ tiêu chất lượng sản phẩm đã được qui định thành một chỉ tiêu pháp lệnh trong kế hoạch Nhà nước, có kiểm tra xác nhận mức độ hoàn thành. Nhà nước cũng đã qui định một số biện pháp nhằm bảo đảm cho xí nghiệp có thể hoàn thành được kế hoạch sản xuất với những sản phẩm có chất lượng ổn định, có giá trị sử dụng tốt hơn và có hiệu quả kinh tế cao hơn. Những biện pháp trên có đem lại một số tiến bộ trong quản lý kỹ thuật, nhờ đó trong năm 1975, một số sản phẩm thuộc diện quản lý Nhà nước đã có những tiến bộ về mặt ổn định chất lượng cũng như khối lượng hoàn thành, như máy tiện T616 và T6 M16 của Nhà máy cơ khí Hà-nội, một số phụ tùng động cơ đốt trong của Nhà máy Ô-tô số 1, săm lốp xe đạp của Nhà máy Cao su Sao-vàng, xi măng P.400 của Nhà máy Xi-măng Hải-phòng, than sạch của Công ti Than Hòn-gai, vải kaki xanh và vải phin trắng của Nhà máy Dệt 8-3, ché đen xuất khẩu của Nhà máy Ché Thanh-ba; động cơ diesel 12 sức ngựa của Nhà máy cơ khí Trần Hưng Đạo, tuy một số chỉ tiêu chất lượng chưa đạt, nhưng nhà máy có nhiều cố gắng cải tiến chất lượng trong loạt sản xuất cuối năm, v.v... Nhưng nhìn chung, những tiến bộ của quản lý kỹ thuật trong thời gian qua còn chậm và rời rạc. Những vấn đề tồn tại hiện nay là: thiếu những chính sách lớn để chỉ đạo công tác quản lý kỹ thuật cụ thể. Ở đây chỉ nói đến những chính sách kinh tế - khoa học - kỹ thuật như chính sách khai thác và sử dụng tài nguyên, chính sách khai thác và sử dụng các nguồn năng lượng, chính sách sử dụng và tiết kiệm các vật tư kỹ thuật, chính sách bảo vệ thiên nhiên và môi trường v.v... trong công tác quản lý kỹ thuật; chỉ đạo thiết kế các công trình, chọn địa điểm các nhà máy, các dây

chuyên công nghệ, các thiết bị, các phương án sản phẩm, v.v... cần phải lấy những chính sách nói trên làm căn cứ chỉ đạo. Việc xây dựng và ban hành những qui định về kỹ thuật, tuy có làm nhưng chậm so với yêu cầu. Cho đến nay, chúng ta đã ban hành được 30 qui phạm Nhà nước, khoảng 100 qui phạm ngành, trên 1500 tiêu chuẩn Nhà nước, và 1000 tiêu chuẩn ngành, so với khoảng 8000 tiêu chuẩn Nhà nước và 10000 tiêu chuẩn ngành cần phải có đối với một nước công nghiệp hóa trung bình. Các qui định cần thiết khác, mới xây dựng được vào khoảng 1/10 so với yêu cầu, lại thiếu đồng bộ; tuy đã ít, nhưng việc chấp hành các qui định hiện có chưa được nghiêm chỉnh. Các qui phạm an toàn, các qui trình sản xuất chưa được tôn trọng, nhiều tiêu chuẩn Nhà nước chưa được thực hiện v.v... Việc kiểm tra, đôn đốc và xử lý những vi phạm về quản lý kỹ thuật chưa được thực hiện thường xuyên. Chưa nhận thức rõ vai trò của khoa học, kỹ thuật và của quản lý kỹ thuật trong sản xuất; chẳng những coi nhẹ công tác này, thậm chí còn coi là một chướng ngại. Ít thức tự do vô kỷ luật, tác phong tùy tiện, luộm thuộm của người sản xuất nhỏ, tư tưởng chạy theo số lượng, hạ thấp chất lượng, thậm chí không kể đến chất lượng đến giá thành; tư tưởng ỉ lại vào khó khăn khách quan, trình độ hiểu biết và kinh nghiệm quản lý còn kém cũng là những trở ngại hiện nay đối với công tác quản lý kỹ thuật. Về tổ chức và chỉ đạo, quản lý kỹ thuật chưa được xây dựng thành một hệ thống, và cũng chưa được kiện toàn đúng mức, mặc dù trong một vài mặt đã có những điều lệ của Nhà nước qui định như điều lệ về đo lường và kiểm tra chất lượng ở các xí nghiệp; chưa có những chính sách đòn bẩy kinh tế thích hợp, v.v... Những điều kiện vật chất để làm quản lý kỹ thuật chưa được bảo đảm đầy đủ: trong sản xuất, thiếu nhiều phương tiện đo và kiểm nghiệm, việc cung cấp vật tư không ổn định, kế hoạch sản xuất cũng không ổn định, không sát với năng lực thực tế của cơ sở, thiếu cân đối với khâu cung ứng vật tư, và thường là giao chậm, cơ sở không đủ thì giờ để chuẩn bị sản xuất.

Tình hình quản lý kỹ thuật ở miền Nam có những đặc điểm của chế độ cũ để lại; một số xí nghiệp lớn sản xuất những sản phẩm có chất lượng tốt như các mặt hàng cơ khí (lắp ráp ô-tô, máy kéo nông nghiệp nhỏ, sửa chữa cơ khí lớn, các thiết bị điện, dây điện; máy thu thanh, thu hình), các mặt hàng lương thực, thực phẩm (mì chính, mì sợi

đóng gói, tôm đông lạnh, v.v....) hàng tiêu dùng (vải, giấy, pin, v.v...). Các xí nghiệp này được quản lý kỹ thuật tốt, phần lớn theo phương thức của các công ty nước ngoài, cùng chung vốn và bản kỹ thuật (Nhật, Mĩ, Đài-loan...); sản phẩm của các nhà máy này có giá trị xuất khẩu. Nhưng bên cạnh các cơ sở sản xuất lớn, có quản lý kỹ thuật tốt, sản phẩm có chất lượng cao, lại có nhiều cơ sở khác sản xuất những sản phẩm xấu, thậm chí sản xuất hàng giả đủ các loại (đồng hồ, xe đạp, mì chính, bột giặt v.v...), mang nhãn hiệu sản phẩm sản xuất ở nước ngoài để đánh lừa khách hàng. Đó là hậu quả của một chế độ sản xuất và kinh doanh tự do, vô tổ chức, mặc dầu chế độ Sài-gòn có thành lập một cơ quan lấy tên là Viện quốc gia Định chuẩn, nhưng là một cơ quan tự trị, không làm chức năng quản lý Nhà nước; nó có thể tiến hành trắc nghiệm chất lượng sản phẩm theo yêu cầu của một cơ sở sản xuất, và cấp giấy chứng nhận chất lượng (đôi khi một cách bừa bãi) để cơ sở đó sử dụng vào mục đích quảng cáo kinh doanh; nó có xây dựng được một số tiêu chuẩn quốc gia, không có tính chất bắt buộc; và chỉ đóng vai trò tư vấn cho các cơ quan Nhà nước và cho các nông, công, thương gia về các vấn đề có liên quan đến định chuẩn, kiểm phẩm và trắc nghiệm; mọi công việc về quản lý kỹ thuật đều do các công ty hoặc xí nghiệp tự đề ra và tự giải quyết, có sự giúp đỡ của chuyên gia nước ngoài.

Phấn đấu xây dựng một nền nếp quản lý kỹ thuật xã hội chủ nghĩa hoàn chỉnh, khoa học và hữu hiệu, một phong cách lao động có kỷ luật, có chất lượng, có năng suất và hiệu quả cao, phong cách sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa.

1. Những nguyên tắc xây dựng hệ thống quản lý kỹ thuật ở nước ta.

Quản lý kỹ thuật, nằm trong hệ thống quản lý khoa học và kỹ thuật chung của cả nước, phải là một hệ thống quản lý hoàn chỉnh, tác động vào nền sản xuất xã hội của nước ta, từ khâu xác định những mục tiêu, qua khâu sản xuất, hay khâu thực hiện, đến khâu lưu thông phân phối, và đến tận tay người tiêu thụ, sử dụng.

Cũng như các hệ thống quản lý khác, hệ thống quản lý kỹ thuật cũng được phân cấp theo ngành và theo lãnh thổ, từ trung ương đến các ngành, các địa phương, và đến tận các cơ sở sản xuất.

Quản lý kỹ thuật là một hệ thống pháp chế kinh tế — khoa học — kỹ thuật, phải được xây dựng trên cơ sở những tiến bộ khoa học — kỹ thuật, phù hợp với trình độ sản xuất nước ta, và không ngừng được nâng cao cho luôn luôn phù hợp với tốc độ và trình độ phát triển của sản xuất.

Quản lý kỹ thuật phải được tiến hành bằng những phương pháp và phương tiện khoa học — kỹ thuật hiện đại, chính xác, có năng suất cao, thay thế từng bước những phương pháp và phương tiện cũ kĩ, lạc hậu; phải có những cơ sở nghiên cứu, kiểm nghiệm cần thiết, được trang bị tốt.

Quản lý kỹ thuật phải là một hệ thống quản lý hữu hiệu, dựa vào một hệ thống tổ chức thực hiện và kiểm tra, có khả năng phát hiện nhanh chóng và xử lý kịp thời những thiếu sót trong tất cả các khâu quản lý.

Quản lý kỹ thuật không phải là một hệ thống tách rời, mà phải là một bộ phận nằm trong hệ thống quản lý kinh tế chung; nó không thể hoạt động được nếu không có sự kết hợp chặt chẽ của các hệ thống khác, đặc biệt là hệ thống kế hoạch hóa, hệ thống thống kê, kế toán, hệ thống cung ứng vật tư, hệ thống giá cả, hệ thống lao động tiền lương, v.v...

Quản lý kỹ thuật phải bảo đảm cho việc thực hiện sự phân công và hợp tác quốc tế về sản xuất và mậu dịch, về khoa học kỹ thuật được thuận lợi. Với những quan hệ kinh tế ngày càng mở rộng giữa nước ta với các nước khác, nhiệm vụ này lại càng trở nên quan trọng, trước mắt là về quản lý đo lường, về tiêu chuẩn hóa, và chất lượng các hàng xuất và nhập khẩu, về mua bán các bằng sáng chế, và nhập kỹ thuật v.v...

Quản lý kỹ thuật phải dựa vào một đội ngũ cán bộ quản lý, cán bộ khoa học — kỹ thuật, và công nhân kỹ thuật giỏi, có kinh nghiệm sản xuất và có năng lực quản lý. Phải rất coi trọng việc sử dụng, đào tạo và bồi dưỡng một đội ngũ cán bộ và công nhân có trình độ làm quản lý kỹ thuật.

Mỗi ngành sản xuất, mỗi địa phương đều có những đặc điểm khác nhau, cho nên đi vào cụ thể sẽ có những chế độ quản lý kỹ thuật riêng cho từng ngành, từng địa phương.

2. Nội dung phương hướng và những biện pháp tăng cường quản lý kỹ thuật ở nước ta trong những năm trước mắt.

Đề đáp ứng yêu cầu trước mắt, đồng thời chuẩn bị cho những bước phát triển sau của nền kinh tế quốc dân, quản lý kỹ thuật ở nước

ta trong một số năm trước mắt cần phải đấu theo những nội dung và phương hướng: lấy năng suất lao động, chất lượng và khối lượng sản phẩm, và mức tiết kiệm vật tư làm những mục tiêu để phấn đấu nâng cao. Những công việc cần thiết phải tiến hành là:

— Nghiên cứu ban hành một số chính sách kinh tế—khoa học—kỹ thuật lớn, trước hết là các chính sách về khai thác và sử dụng tài nguyên (kể cả tài nguyên năng lượng), chính sách sử dụng và tiết kiệm vật tư kỹ thuật, chính sách bảo vệ thiên nhiên và môi trường, chính sách nhập kỹ thuật. Công việc này thuộc về các cơ quan chức năng khác nhau của Nhà nước.

— Soát xét và hệ thống hóa lại tất cả các văn kiện pháp chế kinh tế—kỹ thuật đã ban hành, đặc biệt là các văn kiện qui định những định mức về lao động, vật tư, sử dụng thiết bị chỉ tiêu chất lượng, v.v... các văn kiện pháp chế kỹ thuật (qui phạm, qui trình, qui tắc kỹ thuật, tiêu chuẩn kỹ thuật, các điều lệ về tổ chức quản lý kỹ thuật, v.v...) ở tất cả các cấp, các ngành, các địa phương, hủy bỏ những điều khoản lạc hậu, thay bằng những điều khoản tiên tiến cho phù hợp với tình hình mới, hoặc có thể thay hẳn bằng những qui định mới, bổ sung dần những qui định nào thấy còn thiếu, cải tiến và hoàn chỉnh dần hệ thống pháp chế kinh tế—kỹ thuật. Công việc này thuộc về các cơ quan quản lý của Nhà nước, của các bộ, tổng cục và các tỉnh, thành phố.

— Trên cơ sở những tiến bộ khoa học—kỹ thuật, soát xét và loại bỏ những sản phẩm nào mà giá trị sử dụng quá thấp không tương xứng với mức tiêu hao vật tư và lao động, những thiết bị và phương pháp công nghệ lạc hậu năng suất thấp, không bảo đảm chất lượng, thay bằng những sản phẩm và những thiết bị cũng như phương pháp công nghệ có những chỉ tiêu kinh tế—kỹ thuật tiên tiến hơn, đặc biệt là đối với những công trình thiết bị toàn bộ mới, những cơ sở sản xuất mới cần xây dựng.

— Tất cả các sản phẩm phải được qui định rõ ràng về chất lượng bằng các văn kiện thích hợp, như tiêu chuẩn kỹ thuật, chỉ tiêu chất lượng v.v..., do cấp trên của cơ sở ban hành, hoặc do cơ sở tự ban hành với sự chuẩn ý của cơ quan quản lý cấp trên, đặc biệt là đối với những sản phẩm mới, trước khi quyết định sản xuất hàng loạt.

— Tất cả các quá trình sản xuất, từ khâu chuẩn bị sản xuất, đến khâu hoàn thành, nghiệm thu, bao bì đóng gói, vận chuyển,

bảo quản, và lưu thông phân phối, hay giao cho người sử dụng, phải được quản lý bằng các qui trình cụ thể qui định từng việc phải làm, và trách nhiệm của từng tổ chức, từng người, như: qui trình chuẩn bị sản xuất, qui trình thử nghiệm, qui trình nghiệm thu, qui trình kiểm tra chất lượng, qui trình kiểm tra các dụng cụ đo, qui trình bảo dưỡng thiết bị, qui tắc an toàn và bảo hộ lao động v.v...; phải có đầy đủ các hồ sơ và bản vẽ thiết kế kỹ thuật, các tiêu chuẩn kỹ thuật, và các qui định kỹ thuật khác đối với từng đối tượng được sản xuất.

— Khắc phục những khâu mắt cần đối trong khâu chuyển sản xuất để bảo đảm thực hiện được liên tục quá trình lao động và hoàn thành được tốt nhất kế hoạch đề ra cần chú ý trang bị đủ những dụng cụ sản xuất thích hợp, chính xác và có năng suất cao cho người sản xuất, như các dụng cụ đo, dụng cụ kiểm nghiệm, dụng cụ kiểm tra, thường xuyên theo dõi và kiểm định lại các dụng cụ đó, để bảo đảm độ chính xác cần thiết theo yêu cầu của công nghệ; cần tổ chức ngay việc sản xuất và sửa chữa các dụng cụ đo thông thường ở trong nước.

— Tăng cường các cơ quan quản lý kỹ thuật từ trung ương xuống đến các cơ sở để làm những công việc trước mắt sau đây: xây dựng các qui phạm, qui trình, qui tắc kỹ thuật, các tiêu chuẩn, các định mức kinh tế kỹ thuật còn thiếu hoặc phải thay đổi và hoàn thiện; cải tiến việc quản lý thiết bị, cung ứng vật tư, kiểm tra nghiệm thu kỹ thuật, kiểm tra chất lượng, xây dựng hoặc cải tiến chế độ thống kê, báo cáo và hồ sơ kỹ thuật. Trước hết tăng cường các tổ chức thiết kế, kỹ thuật, công nghệ, thiết bị, vật tư cơ điện và đo lường, và các tổ chức kiểm tra kỹ thuật tại các công ty, xí nghiệp, công trường, nông trường v.v...; tăng cường các vụ hay phòng kỹ thuật các ngành, các ban khoa học kỹ thuật các tỉnh, thành phố để làm được chức năng quản lý kỹ thuật ngành hay lãnh thổ.

— Ba mặt công tác quan trọng nhất của quản lý kỹ thuật là quản lý đo lường, tiêu chuẩn và chất lượng sản phẩm phải được nhanh chóng tăng cường để phát huy tác dụng ngay ở cả 3 cấp: trung ương, ngành, địa phương và cơ sở. Thực hiện nghiêm chỉnh những điều lệ Nhà nước đã ban hành về quản lý đo lường, tiêu chuẩn hóa và kiểm tra chất lượng sản phẩm và hàng hóa: phải có những phương tiện vật chất tối thiểu cần thiết như dụng cụ kiểm tra, chuẩn

đo lường, dụng cụ kiểm định, các phương tiện kiểm nghiệm, và phương tiện sửa chữa. Hiện nay, chúng ta chưa có đủ những chuẩn đo lường quốc gia, những thiết bị dụng cụ chuẩn và những chất chuẩn chính xác, cho nên chưa làm được nhiệm vụ kiểm định đo lường của Nhà nước đối với các dụng cụ thiết bị đo của các ngành sản xuất và lưu thông phân phối, chưa có cơ sở pháp lý chính xác để giải quyết đúng đắn những tranh chấp về quan hệ mâu dịch trong nước cũng như với nước ngoài.

— Bước đầu sử dụng những phương tiện kỹ thuật hiện đại chính xác, có năng suất cao vào công tác quản lý kỹ thuật như máy tính điện tử, các phương pháp toán học, các phương tiện kiểm tra và phân tích tự động, v.v...

— Phải kế hoạch hóa một số nội dung hoạt động của quản lý kỹ thuật để bảo đảm cân đối với những điều kiện thực hiện, trước mắt đưa công tác xây dựng các qui phạm, qui trình, các tiêu chuẩn kỹ thuật và các văn kiện pháp chế kinh tế — khoa học — kỹ thuật khác của Nhà nước và các ngành, các địa phương vào kế hoạch; công tác quản lý chất lượng sản phẩm và hàng hóa, trang bị kỹ thuật, đặc biệt là trang bị các dụng cụ đo và các chuẩn đo lường, đào tạo cán bộ và công nhân kỹ thuật cần phải được kế hoạch hóa.

— Phải có đủ biên chế và phải bố trí những cán bộ và công nhân giỏi để cho các tổ chức nói trên hoạt động được hữu hiệu. Thủ trưởng các ngành, các địa phương, các đơn vị cơ sở phải là người có trách nhiệm chính về tổ chức và hoạt động của bộ máy quản lý kỹ thuật thuộc phạm vi mình, phải coi bộ máy này là chỗ dựa vững chắc và là một công cụ chắc chắn nhất để hoàn thành toàn diện kế hoạch Nhà nước; các tổ chức đoàn thể như Công đoàn, Thanh niên, Phụ nữ phải vận động và giáo dục quần chúng, phát huy tinh thần làm chủ tập thể, thực hiện một cách nghiêm chỉnh, tự giác và đầy đủ nhất mọi qui định về quản lý kỹ thuật.

3. Quản lý kỹ thuật và kế hoạch Nhà nước.

Quản lý kỹ thuật nhằm bảo đảm hoàn thành các kế hoạch Nhà nước một cách đầy đủ và vững chắc nhất. Nhưng muốn quản lý kỹ thuật làm được nhiệm vụ đó, thì kế hoạch Nhà nước cũng phải bảo đảm một số yêu cầu sau đây:

— Những chỉ tiêu sản xuất phải được thông báo sớm để cơ sở có đủ thì giờ chuẩn bị sản xuất. Tùy theo đối tượng mới hay cũ,

phức tạp hay không phức tạp về phương tiện kỹ thuật, khối lượng sản xuất yêu cầu nhiều hay ít, chất lượng yêu cầu cao hay thấp v.v... mà đòi hỏi thời gian và điều kiện chuẩn bị khác nhau. Nếu phương pháp công nghệ cũ không đủ bảo đảm phải thay bằng một phương pháp công nghệ khác để thỏa mãn những yêu cầu mới cao hơn của kế hoạch về chất lượng và khối lượng, thì thời gian chuẩn bị phải dài, vì còn phải xây dựng dây chuyền công nghệ mới, nghiên cứu sản xuất thử, huấn luyện lại thao tác cho công nhân, thay đổi các dụng cụ sản xuất v.v...

— Kế hoạch phải bảo đảm cân đối các mặt, trước hết là cân đối với khả năng công nghệ và năng lực của cơ sở, cân đối với lao động, và nhất là cân đối với khả năng cung ứng vật tư và nguyên liệu; nếu không, thì kế hoạch phải bảo đảm cho cơ sở có thể thực hiện được sự cân đối từng bước và từng thời gian nhất định, để cuối cùng có thể hoàn thành được kế hoạch.

— Đối với từng đối tượng phải có những chính sách giá cả thích hợp, hoặc có những biện pháp khác, để khuyến khích sản xuất, thí dụ khuyến khích sản xuất các mặt hàng có chất lượng xuất khẩu, khuyến khích nâng tỉ lệ sản phẩm loại cao cấp, hạ thấp tỉ lệ sản phẩm loại dưới, khuyến khích sản xuất các phụ tùng thay thế v.v.... Cơ quan vật giá các cấp phải rất nhạy cảm và kịp thời giải quyết đúng đắn vấn đề giá cả, để làm đòn bẩy thúc đẩy sản xuất.

— Một số điều nêu trên có thể áp dụng cho cả nước, nhưng đối với miền Nam, trong điều kiện còn nhiều thành phần kinh tế thì phải tiến hành một cách thận trọng. Trong một số năm trước mắt, cần cố gắng duy trì nền nếp quản lý kỹ thuật hiện nay ở các xí nghiệp tương đối lớn, sản xuất những sản phẩm có chất lượng và giá trị xuất khẩu cao, cung cấp cho các xí nghiệp này đủ những vật tư cần thiết để có thể tận dụng công suất đến mức cao nhất. Cũng phải tổ chức thực hiện kiểm tra chất lượng của Nhà nước đối với các nhà máy này để ngăn ngừa những mặt tiêu cực. Đối với các cơ sở sản xuất khác, phải có biện pháp hạn chế sản xuất những sản phẩm xấu, và cấm hẳn sản xuất các hàng giả, mang nhãn hiệu hàng nước ngoài một cách phi pháp, không những làm thiệt hại cho người tiêu thụ, mà còn gây ra những lãng phí về vật tư, nhất là trong tình hình khan hiếm vật tư hiện nay. Đối với các xí nghiệp quốc doanh ở miền Nam, có thể nghiên cứu, tham khảo và áp dụng từng bước

những qui định về quản lý kỹ thuật đã được xây dựng ở miền Bắc, để chuẩn bị tiến tới có một chế độ quản lý kỹ thuật thống nhất trong cả nước. Phải xem xét và đối chiếu những tiêu chuẩn quốc gia đã được xây dựng trước đây ở miền Nam với những tiêu chuẩn Nhà nước để chọn lọc, bổ sung, thành những tiêu chuẩn Nhà nước thống nhất. Viện Định chuẩn nên được tổ chức thành một cơ quan làm chức năng quản lý Nhà nước về đo lường, tiêu chuẩn và kiểm tra chất lượng sản phẩm và hàng hóa ở miền Nam, mang tính chất một bộ phận của cơ quan trung ương đặt tại địa phương (miền Nam) làm chức năng quản lý Nhà nước tại miền Nam, và không mang tính chất một cơ quan địa phương.

Chúng ta cần chuẩn bị để tiến tới có một chế độ và một hệ thống quản lý kỹ thuật thống nhất trong cả nước, nhưng không thể không xem xét đến những đặc điểm riêng biệt của từng ngành và từng địa phương, khi đi vào những vấn đề quản lý kỹ thuật cụ thể, nhất là đối với miền Nam.

ĐẨY MẠNH ÁP DỤNG TIẾN BỘ KỸ THUẬT NHẪM TẠO RA NHỮNG CHUYỂN BIẾN RÕ RỆT VỀ NĂNG SUẤT LAO ĐỘNG VÀ CHẤT LƯỢNG

Không chủ động áp dụng những tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất, chúng ta không thể nào giải quyết được tốt những nhiệm vụ rất to lớn đề ra trong dự án kế hoạch Nhà nước 5 năm (1976 — 1980) là phải tăng nhanh năng suất lao động, tăng nhanh khối lượng và chất lượng các sản phẩm, tăng nhanh mức sống của nhân dân. Để giải quyết những nhiệm vụ đó, *tiến bộ kỹ thuật phải được thực hiện ngay — có những chỉ tiêu kinh tế — kỹ thuật tiên tiến — từ khi quyết định xây dựng một cơ sở sản xuất mới, trong việc lựa chọn những dây chuyền công nghệ, phương pháp sản xuất, thiết bị phương tiện và phương án sản phẩm.* Nói chung, tiến bộ kỹ thuật phải nhằm vào các hướng sau đây:

— Cải tiến việc sản xuất, chọn lựa và sử dụng máy móc thiết bị, và các công cụ khác có năng suất cao hơn;

— Nâng cao mức độ cơ giới hóa trong các ngành, sử dụng máy móc và công cụ cải tiến nhiều hơn, nâng cao mức độ sử dụng các phương tiện và máy móc tự động và nửa tự động.

— Cải tiến hoặc đổi mới phương pháp

công nghệ, loại bỏ các phương pháp công nghệ lạc hậu, năng suất thấp, tiêu hao nguyên vật liệu nhiều, và không bảo đảm chất lượng sản phẩm, thay bằng những phương pháp công nghệ tiên tiến;

— Sử dụng hợp lý và tiết kiệm triệt để các vật tư kỹ thuật, nhất là những vật tư còn phải nhập; tạo ra các nguồn vật tư mới trong nước; lợi dụng tổng hợp các loại nguyên vật liệu;

— Cải tiến và nâng cao chất lượng sản phẩm, chất lượng công trình, chất lượng dịch vụ;

— Loại bỏ, không tiếp tục sản xuất những sản phẩm giá trị sử dụng quá thấp so với mức tiêu hao vật tư và lao động, thay bằng những sản phẩm có giá trị sử dụng cao hơn, mức sử dụng vật tư và lao động thấp hơn, đặc biệt là đối với những sản phẩm là máy móc, thiết bị, có những đòi hỏi cao về công suất, độ tin cậy, tuổi thọ, suất tiêu hao nhiên liệu v.v...

— Phát triển thêm nhiều sản phẩm mới, những sản phẩm có những chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật tiên tiến và có giá trị xuất khẩu cao; chú trọng phát triển thêm nhiều máy móc cơ khí để đẩy mạnh việc sử dụng cơ giới trong các ngành, tăng nhanh năng suất lao động.

— Áp dụng các phương pháp tổ chức và quản lý mới để mở rộng sản xuất và đạt những hiệu quả kinh tế cao hơn;

— Cải thiện điều kiện lao động và bảo đảm an toàn lao động, trước hết trong các ngành công nghiệp hóa chất, dầu khí, hầm mỏ, luyện kim, xây dựng.

— Cải tiến hệ thống các ngành phục vụ đời sống. Đây là một yêu cầu cấp thiết để nâng cao hiệu quả sản xuất xã hội và cải thiện đời sống nhân dân — một mặt biểu hiện của qui luật cơ bản của chủ nghĩa xã hội.

Những tiến bộ kỹ thuật có thể là những kết quả nghiên cứu khoa học, những sáng chế phát minh, những hợp lý hóa ở trong nước hay ngoài nước, những máy móc, thiết bị, vật liệu, những phương pháp sản xuất, hay những kỹ thuật mới khác, đã được nghiên cứu triển khai ở nước ngoài mà chúng ta có thể có được bằng con đường hợp tác quốc tế về kinh tế hay về khoa học kỹ thuật, hoặc qua con đường mua bán kỹ thuật như mua các bằng sáng chế, mua các bản thiết kế kỹ thuật v.v...

Áp dụng tiến bộ kỹ thuật không ngoài mục đích đạt tới những mục tiêu kinh tế nhất định, bởi vậy không thể áp dụng bất cứ một

tiến bộ kĩ thuật nào, trong bất cứ một ngành nào (trừ quốc phòng và một số ngành phục vụ đặc biệt) mà không tính toán cân nhắc thận trọng, và dự kiến trước về hiệu quả kinh tế nó sẽ đem lại. Mặt khác, đưa một tiến bộ kĩ thuật vào sản xuất đòi hỏi phải có vốn đầu tư, đôi khi khá lớn, để trang bị thiết bị mới, phải thay đổi cơ cấu tổ chức sản xuất và quản lí, huấn luyện lại công nhân, nghiên cứu, thiết kế chế tạo thử v.v... Vì những lẽ đó, cần phải kế hoạch hóa việc áp dụng các tiến bộ kĩ thuật, để xác định các mục tiêu cho có căn cứ kinh tế — kĩ thuật chính xác, và để bảo đảm các điều kiện thực hiện một cách chu đáo.

Lâu nay, Nhà nước ta có đề ra việc xây dựng kế hoạch tiến bộ kĩ thuật, và lẽ lẽ một vài cơ sở cũng có lập ra một kế hoạch tiến bộ kĩ thuật, nhưng còn quá sơ sài và cũng ít khi có được điều kiện thực hiện. Chúng ta vẫn chưa có một chế độ về kế hoạch hóa tiến bộ khoa học — kĩ thuật bao gồm cả việc nghiên cứu và áp dụng các tiến bộ khoa học — kĩ thuật gắn liền với kế hoạch kinh tế quốc dân; và cho đến nay những tiến bộ kĩ thuật của chúng ta được thực hiện, chủ yếu là bằng con đường nhập thiết bị toàn bộ, bao gồm cả thiết bị dây chuyền sản xuất, phương pháp công nghệ và loại hình sản phẩm, và chúng ta có quan hệ hợp tác khoa học kĩ thuật với nhiều nước qua đó có thể tranh thủ được nhiều tiến bộ khoa học — kĩ thuật, nhưng không thực hiện được bao nhiêu, bởi vì không qua khâu kế hoạch hóa để cân nhắc, tính toán và cân đối các điều kiện thực hiện. Kế hoạch tiến bộ kĩ thuật phải được xây dựng ở các ngành (bộ, tổng cục), các địa phương và các cơ sở; phải có kế hoạch dài hạn (5 năm) và kế hoạch ngắn hạn (1 năm); nội dung nằm trong các phương hướng nói trên, nhưng trước hết tập trung vào hai mục tiêu: năng suất lao động và chất lượng sản phẩm. Riêng đối với miền Nam, tiến bộ kĩ thuật nên đi vào hướng tiết kiệm vật tư, và tạo ra những nguồn vật tư mới.

Kế hoạch tiến bộ kĩ thuật có quan hệ mật thiết với kế hoạch kinh tế, vì nó là cơ sở để đề ra và thực hiện các chỉ tiêu kinh tế. Muốn kế hoạch hóa tiến bộ kĩ thuật được tốt, trước tiên phải giải quyết khâu dự báo khoa học — kĩ thuật, nghiên cứu những xu hướng phát triển khoa học — kĩ thuật trong từng ngành, và xác định những phương hướng xây dựng kế hoạch.

Do tính chất quan trọng và cấp thiết của

việc đưa tiến bộ kĩ thuật vào các ngành sản xuất, Nhà nước nên sớm cho nghiên cứu ban hành chế độ kế hoạch hóa tiến bộ khoa học — kĩ thuật để bổ sung cho chế độ kế hoạch hóa nền kinh tế quốc dân.

HỢP LÍ HÓA SẢN XUẤT

Hợp lí hóa là một hoạt động mang tính chất khoa học — kĩ thuật gắn liền với lao động sản xuất, do những người trực tiếp lao động tiến hành. Hoạt động hợp lí hóa là nguồn dự trữ những khả năng tiềm tàng năng suất lao động và thúc đẩy tiến bộ kĩ thuật. Nhiều nước, mặc dù đã có một trình độ phát triển cao về kinh tế cũng như về khoa học — kĩ thuật, cũng vẫn rất quan tâm đến hoạt động này, bởi vì không một sản phẩm, một thiết bị máy móc, một công nghệ, một phương pháp sản xuất, hay một phương pháp quản lí, một tổ chức lao động nào lại không còn có gì để cải tiến. Qua kinh nghiệm thực tiễn của những người trực tiếp sản xuất, hằng ngày phải tiếp xúc với những đòi hỏi, cho nên họ có thể nhìn được rõ những khuyết điểm, nhược điểm của chúng, và có những sáng kiến để cải tiến; đó chính là nội dung của các hoạt động hợp lí hóa. Đối với nước ta, hoạt động này lại càng quan trọng, bởi vì chúng ta đang từ sản xuất nhỏ đi lên sản xuất lớn, có nhiều vấn đề đòi hỏi phải ngày càng hợp lí hóa, Hồ Chủ tịch đã có lần nói: « Sáng kiến và kinh nghiệm là của chung của dân tộc; chúng ta phải ra sức làm cho nó dồi dào thêm và lan rộng mãi; không biết quý trọng sáng kiến và phổ biến kinh nghiệm, tức là lãng phí của dân tộc ».

Nhà nước đã ban hành chế độ khen thưởng về sáng kiến và đã có nhiều biện pháp khuyến khích các hoạt động hợp lí hóa của quần chúng, lại được Tổng Công đoàn Việt-nam rất quan tâm, nhờ đó mà trong nhiều năm qua hàng vạn sáng kiến đã nảy nở trong quần chúng lao động, thuộc hầu hết các ngành sản xuất khác nhau. Nhiều sáng kiến đã được áp dụng, giúp cho các xí nghiệp, công trường, v.v... khắc phục được nhiều khó khăn, hoàn thành nhiệm vụ ngay cả trong những năm có chiến tranh. Có nhiều đề nghị hợp lí hóa nhằm nâng cao năng suất lao động và đem lại hiệu quả kinh tế rõ rệt. Trong 3 năm 1973 — 1975, theo số liệu của các ngành, thì Bộ Cơ khí — luyện kim có 6 526 đề nghị hợp lí hóa, tiết kiệm được 4 800 000 đ; Bộ Điện than có 2 646 đề nghị

hợp lý hóa, tiết kiệm được 10 triệu đồng: Bộ xây dựng có 1 361 đề nghị hợp lý hóa, tiết kiệm được gần 2 triệu đồng, thành phố Hải-phòng có 5 709 đề nghị hợp lý hóa, tiết kiệm được trên 4 triệu đồng, v.v...

Tuy nhiên, các hoạt động này chưa được tổ chức và quản lý tốt nên tác dụng của nó còn bị hạn chế, số người tham gia các hoạt động này chưa nhiều, mới chỉ chiếm khoảng 3% tổng số cán bộ và công nhân, viên chức Nhà nước; lực lượng cán bộ khoa học - kỹ thuật, và công nhân có tay nghề bậc cao tham gia lại càng ít, khoảng 1%.

Bước vào thời kỳ xây dựng và phát triển kinh tế, một vấn đề có ý nghĩa quan trọng bậc nhất là làm sao tăng nhanh năng suất lao động của toàn xã hội, tăng khối lượng và chất lượng sản phẩm và hàng hóa, vừa để đáp ứng nhu cầu trước mắt của sản xuất và đời sống, vừa có tích lũy để xây dựng cơ sở vật chất của chủ nghĩa xã hội. Một trong những giải pháp có tính chất quần chúng để giải quyết vấn đề trên là phải khuyến khích và tổ chức tốt các hoạt động hợp lý hóa để hướng những nỗ lực, suy nghĩ của quần chúng sản xuất vào việc giải quyết những nhiệm vụ cụ thể của đơn vị mình. Trong những năm trước mắt, nội dung hợp lý hóa nên hướng vào giải quyết những vấn đề cụ thể sau:

- Không ngừng nâng cao năng suất lao động trên cơ sở hợp lý hóa việc sử dụng các thiết bị công cụ, phương tiện, cải tiến công nghệ, hợp lý hóa tổ chức sản xuất và tổ chức quản lý.

- Tiết kiệm và lợi dụng tổng hợp các nguyên vật liệu, thay thế nguyên vật liệu nhập bằng nguyên vật liệu trong nước;

- Cải tiến chất lượng sản phẩm, tăng thêm tỉ lệ sản phẩm cao cấp, hạ thấp tỉ lệ sản phẩm xấu và tỉ lệ phế phẩm; tăng thêm những mặt hàng xuất khẩu có giá trị;

- Bảo quản và sử dụng tiết kiệm các sản phẩm, hàng hóa, đặc biệt là lương thực thực phẩm.

Hợp lý hóa nên đi vào hướng giải quyết những vấn đề mấu chốt nhất của cơ sở, tránh những suy nghĩ và đề nghị tản mạn, vụn vặt. Đi đôi với việc xây dựng thành một phong trào quần chúng sâu rộng hoạt động hợp lý hóa, cần phải tổ chức quản lý tốt các hoạt động này để có thể phát huy được đầy đủ tác dụng của nó. Cần có sự chỉ đạo cụ thể phong trào này ở từng cơ sở, thu thập, đăng ký và giải quyết những đề nghị hợp lý hóa của quần chúng lao động,

có kế hoạch nghiên cứu, thí nghiệm, và bảo đảm những điều kiện để thực hiện các đề nghị ấy, kiểm tra việc áp dụng, và thông tin phổ biến kinh nghiệm cho những nơi khác. Phải có tổ chức hay người chuyên trách có đủ năng lực làm công tác này.

Cần trân trọng đối với tất cả những đề nghị sáng tạo lớn nhỏ của quần chúng lao động: cần có quan hệ mật thiết và thường xuyên tiếp xúc với những người đề xuất những cái mới trong sản xuất, đúc kết và phổ biến nhanh những kinh nghiệm tiên tiến; cần có sự kết hợp chặt chẽ kiến thức của cán bộ kỹ thuật, năng lực tổ chức của cán bộ quản lý với kinh nghiệm sản xuất của những công nhân có tay nghề giỏi để tạo ra một năng lực tổng hợp, nhanh chóng hoàn thiện và đưa những đề nghị hợp lý hóa vào sản xuất; phải có chính sách khen thưởng, độ-gi viên kịp thời và đãi ngộ vật chất thích đáng đối với những người có những đề nghị sáng tạo, mang lại hiệu quả kinh tế cao, và bảo vệ những quyền lợi tác giả cho họ. Nhà nước nên sớm nghiên cứu ban hành điều lệ nhằm đưa công tác quản lý các hoạt động hợp lý hóa vào nền nếp. Ngoài ra còn phải xây dựng và hoàn thiện từng bước một hệ thống pháp chế để quản lý các sáng chế phát minh, kiểu dáng công nghiệp và nhãn hiệu hàng hóa, quản lý việc mua bán các bằng sáng chế với nước ngoài, và quản lý việc nhận đăng ký sáng chế của người nước ngoài, v.v...

Cần phải nhận thức một cách đầy đủ vai trò tích cực của hợp lý hóa trong sản xuất và quản lý. Người lãnh đạo quản lý sản xuất phải biết nắm lấy và hướng các hoạt động hợp lý hóa vào những mục tiêu quan trọng nhất của cơ sở mình, coi đó là một biện pháp then chốt để thúc đẩy tiến bộ kỹ thuật, đẩy mạnh sản xuất, tăng nhanh năng suất lao động, tiết kiệm vật tư, bảo đảm và không ngừng nâng cao chất lượng sản phẩm, hoàn thành một cách đầy đủ và vững chắc nhất mọi chỉ tiêu của kế hoạch sản xuất.

Ở miền Nam, trước đây không có các hoạt động hợp lý hóa có tính chất quần chúng ở các cơ sở sản xuất. Những người, kể cả người nước ngoài, có sáng chế, có thể đăng ký và xin cấp bằng sáng chế của chính quyền ngụy; việc cấp bằng là một thủ tục đăng ký, công nhận quyền sở hữu sáng chế của người được cấp, chính quyền không chịu trách nhiệm gì về nội dung mới hay cũ của sáng chế đó; cùng với việc cấp bằng sáng chế, chính quyền còn cho đăng ký các kiểu dáng công

(Xem tiếp trang 32)

việc dẫn nước thông suốt từ công trình đầu mối đến đồng ruộng và chủ động điều hòa, phân phối nước; việc xây dựng đồng ruộng và xây dựng các cầu qua kênh chỉ tiến hành có trọng điểm.

Cần khẳng định mạng lưới kênh và bờ do điều kiện địa hình và thủy chế qui định, không thể tùy tiện bố trí theo ý muốn chủ quan của từng ngành, từng cấp hoặc theo kiểu kể ở ruộng v.v... Kích thước các loại công trình trong mạng lưới thủy nông do yêu cầu dẫn nước thông suốt từ công trình đầu mối đến đồng ruộng và chủ động điều hòa phân phối nước qui định, không thể tùy tiện mở rộng, thu hẹp theo các yêu cầu khác. Trên cơ sở bảo đảm các yêu cầu tưới nước, tiêu nước, có thể nghiên cứu sử dụng tổng hợp các công trình thủy nông phục vụ cơ khí hóa nông nghiệp hoặc các yêu cầu khác. Điểm nào không đáp ứng được yêu cầu của cơ khí hóa nông nghiệp thì ngành nông nghiệp cùng các ngành có liên quan nghiên cứu qui hoạch và kế hoạch xây dựng bổ sung, như việc bố trí đồng ruộng, bố trí các tuyến đường đi về của các máy móc nông nghiệp trong các thửa ruộng và từ đồng ruộng về trạm máy nông nghiệp, việc mở rộng và củng cố mặt đường, việc xác định tiêu chuẩn kỹ thuật của các cầu qua kênh.

Trong điều kiện cấy lúa nước, mạng lưới kênh mương và bờ rất dày đặc, các công trình trên kênh và qua kênh rất nhiều (trong 90 vạn ha hoàn chỉnh thủy nông có khoảng 40—50 vạn cầu cống các loại). Đặc điểm này ảnh hưởng sâu sắc đến việc cơ khí hóa nông nghiệp, khác hẳn những vùng trồng cây ưa khô. Việc chọn các loại máy móc nông nghiệp thích hợp để có thể đầu tư hợp lý vào việc xây dựng đường sá và cầu cống cho máy móc nông nghiệp hoạt động là điều cần được đặc biệt chú ý. Sau này khi có đủ điều kiện,

cần từng bước tiến hành việc san bằng ruộng đất và hiện đại hóa mạng lưới kênh mương, làm giảm đến mức thấp nhất số lượng các kênh, bờ và các công trình qua kênh, bờ, tạo điều kiện thuận lợi cho cơ khí hóa nông nghiệp.

Việc cấp bách trước mắt là đề nghị ngành nông nghiệp, ngành giao thông và các ngành khác có liên quan, kết hợp chặt chẽ với ngành thủy lợi trong việc thiết kế, thi công các cầu qua hệ thống kênh mương, bảo đảm cho các dòng kênh không bị thu hẹp hoặc bị lấp từng đoạn, vì yêu cầu cấp bách của cơ khí hóa nông nghiệp và của giao thông nông thôn.

Tóm lại, thủy lợi hóa và cơ khí hóa nông nghiệp gắn bó với nhau, phù hợp với nhau, thúc đẩy lẫn nhau cùng phát triển.

Để cùng phát triển nhịp nhàng và cân đối, cần chú trọng đẩy mạnh cơ khí hóa thủy lợi, coi đó là một bộ phận không thể thiếu của cơ khí hóa nông nghiệp.

Các hệ thống thủy nông được xây dựng theo những yêu cầu và điều kiện khách quan không thể tùy tiện sửa đổi; nhưng có mối quan hệ rất sâu sắc với cải tạo xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội trong nông nghiệp, cần được điều chỉnh, bổ sung, nâng cao không ngừng để có thể phục vụ có hiệu quả cho sản xuất nông nghiệp phát triển không ngừng.

Trong điều kiện hiện nay, quán triệt sâu sắc mục đích yêu cầu của hoàn chỉnh thủy nông, chính là cách kết hợp tốt nhất với cơ khí hóa nông nghiệp để phục vụ thâm canh, chuyên canh, tăng vụ, cải tạo đất, bảo đảm cho sản xuất nông nghiệp phát triển được ổn định.

Tăng cường quản lý kỹ thuật...

(Tiếp theo trang 29)

ng nghiệp và nhãn hiệu hàng hóa, và công bố trên tờ "Công nghiệp sở hữu công báo" để có cơ sở pháp lý xét xử những vụ làm hàng giả, ăn cắp những nhãn hiệu đã được đăng ký và công bố. Cho đến ngày chính quyền ngụy sụp đổ, chúng đã cấp trên 2 700 bằng sáng chế, phần lớn là cho người nước ngoài, và đã công bố gần 20 000 kiểu dáng công nghiệp và nhãn hiệu hàng hóa.

Ở miền Nam, chúng ta cũng cần phải gây thành một phong trào hoạt động hợp lý hóa để khắc phục những khó khăn trước mắt về thiếu vật tư sản xuất và thiếu phụ tùng thay thế; nên tiếp tục cấp những bằng sáng chế, để có thể thu thập được tất cả những sáng kiến có giá trị giải quyết những khó khăn hiện nay của sản xuất ở miền Nam; cho tiếp tục đăng ký và công bố các kiểu dáng công nghiệp và các nhãn hiệu hàng hóa, làm cơ sở cho một biện pháp thanh toán dân nặn làm và bán ra những hàng giả.